

Bản án số: 12 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đình Hưng.
2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quyết C, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Minh Th, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Th vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Quyết C, trình bày:

Anh và chị Trần Thị Minh Th quen biết tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2005.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian tại thôn A, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn liên quan đến tài chính trong nhiều năm. Đình điểm vợ chồng đã không thể sống chung được nên tự viết thống nhất sống ly thân vào ngày 18/11/2018. Và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, phần ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C không còn tình cảm với chị Th nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Minh Th.

Về con chung: Anh C trình bày, vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày: 10/4/2006 và Nguyễn Trần Khánh Q, sinh ngày: 14/5/2010. Hiện nay các con đang chung sống với anh C tại thôn T, xã B, huyện X; khi ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc các con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Anh C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Trần Thị Minh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thu lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng chị Th không có văn bản trình bày ý kiến.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã N, huyện TN. Về phía địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn vì không nghe anh C hay chị Th cũng như Chi hội phụ nữ thôn A báo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo Giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quyết C. Đối với 02 con chung, tên là Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày: 10/4/2006 và Nguyễn Trần Khánh Q, sinh ngày: 14/5/2010, hiện nay đang sống chung với anh C, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu L, Q cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C tự nguyện không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn chị Trần Thị Minh Th hiện đang sinh sống tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị Minh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 120/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2020; giấy triệu tập số: 321 /GTrT-TA ngày 26/6/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 120 /TB-TA ngày 06/7/2020; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 376 /TB-TA ngày 17/7/2020; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 75/TB-TA ngày 28/7/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020, nhưng chị Th không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh C là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quyết C và chị Trần Thị Minh Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Th là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa anh C và chị Th có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Th làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên anh C và chị Th đoàn tụ, nhưng chị Th không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ chị Th không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của anh C là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quyết C, cho anh Nguyễn Quyết C được ly hôn với chị Trần Thị Minh Th là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh C và chị Th có 02 con chung, tên là Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày: 10/4/2006 và Nguyễn Trần Khánh Q, sinh ngày: 14/5/2010.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu L và cháu Q hiện nay đều trên 07 tuổi đang được anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng sống với

anh C; anh C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu Q, còn chị Th không có lời khai nên không xác định được ý kiến của chị Th có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng các con hay không. Hiện nay anh C có công việc và có thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của các cháu L và cháu Q, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, giao các cháu L và cháu Q cho anh Nguyễn Quyết C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không nhận định.

[3.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Quyết C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quyết C. Anh Nguyễn Quyết C được ly hôn với chị Trần Thị Minh Th.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày: 10/4/2006 và Nguyễn Trần Khánh Q, sinh ngày: 14/5/2010 cho anh Nguyễn Quyết C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Minh Th có quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; chị Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi có lý do chính đáng, anh C, chị Th có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Quyết C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005527 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quyết C và chị Trần Thị Minh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã B, huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa